TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VN** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnhphúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 7 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN - TỈNH KH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Vũ Tuyết Mỹ

- Các Hội thẩm nhân dân:

. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

. Bà Huỳnh Thị Thanh Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Võ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh KH tham gia phiên tòa: Ông Lê Hồng Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc P - sinh năm: 1980; hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH; chỗ ở hiện nay: Thôn PH 2, xã VT, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn N - sinh năm: 1986; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn VG huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 02 năm 2023, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17 tháng 3 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc P và anh Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 và đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2014, quyển số 02/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu và tôn trọng nhau nên thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Anh N ham nhậu nhẹt, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con, mỗi lần đi nhậu về lại chửi bới, đánh đập chị P. Chị P đã nhiều lần khuyên nhủ anh N chăm lo làm ăn nhưng anh vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng trầm trọng nên hơn một năm nay vợ chồng đã sống riêng, mạnh ai nấy sống, không ai hỏi han, quan tâm chăm sóc gì ai. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn N.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là Trần Ngọc Ánh N1 - sinh ngày 07/10/2008. Con chung hiện nay đang ở với chị P. Chị P yêu cầu giải quyết được tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không ai nợ của vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Trần Văn N để trình bày ý kiến về việc chị P khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của anh N, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc P yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N - trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn VG, huyện VN, tỉnh KH nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH. Bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án nhân dân huyện VN triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên tòa, nhưng căn cứ vào lời khai của chị P và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa chị Trần Thị Ngọc P và anh Trần Văn N là tự nguyện, đăng

ký kết hôn số 76/2014, quyển số 02/2013 ngày 16 tháng 5 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã, huyện VN, tỉnh KH, nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh N là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị P thì vợ chồng chị P, anh N hiện nay không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng anh N đều không có mặt, chứng tỏ anh N không còn quan tâm gì về quan hệ hôn nhân này nữa. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị P và anh N theo chị P trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, không hiểu nhau. Anh N còn ham mê nhậu nhẹt, không quan tâm gì đến gia đình. Những điều này làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hơn một năm nay, vợ chồng đã mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến ai. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị P.

[3] Về con chung: Chị P, anh N có 01 (một) con chung là Trần Ngọc Ánh N1 - sinh ngày 07/10/2008. Chị P có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Con chung hiện đang do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu N1 có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy việc giao cho chị P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Ngọc Ánh Nguyệt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị P. Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Ngọc P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc P xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

[6] Bị đơn anh Trần Văn N mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không hòa giải được vụ án. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của anh N.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Trần Thị Ngọc P được ly hôn với anh Trần Văn N.

2. Về con chung:

Giao con chung Trần Ngọc Ánh N1 - sinh ngày 07 tháng 10 năm 2008 cho chị Trần Thị Ngọc P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền, N vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị P, anh N có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0001751 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN; chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh KH xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện VN ;
- Chi cục THA huyện VN;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân thị trấn Vạn Giã;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Vũ Tuyết Mỹ